



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Địa ốc Chợ Lớn

Ngày 31/12/2025	12,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.5%	-4.6%	-8.1%

DT thuần Q4/25
13.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.1 407%
YoY: ▲ 9.07 193%

LN thuần Q4/25
8.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.64 9604%
YoY: ▲ 7.67 724%

LN sau thuế Q4/25
7.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.18 8971%
YoY: ▲ 6.40 744%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
44.0%
YoY: +/- ▲ 29.7%

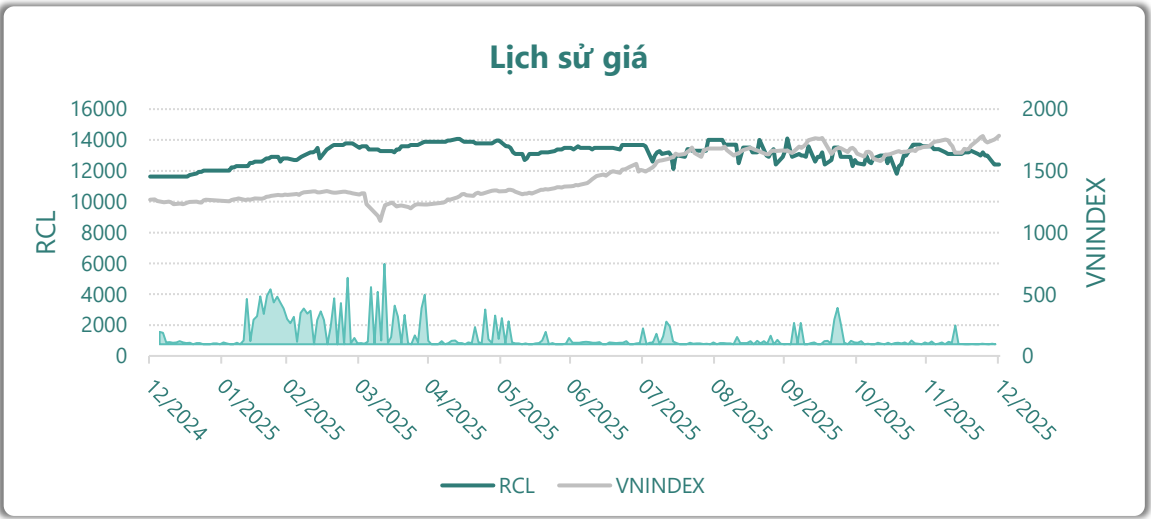
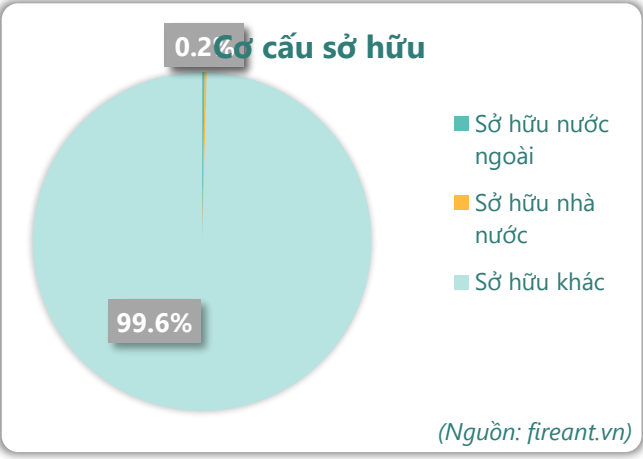
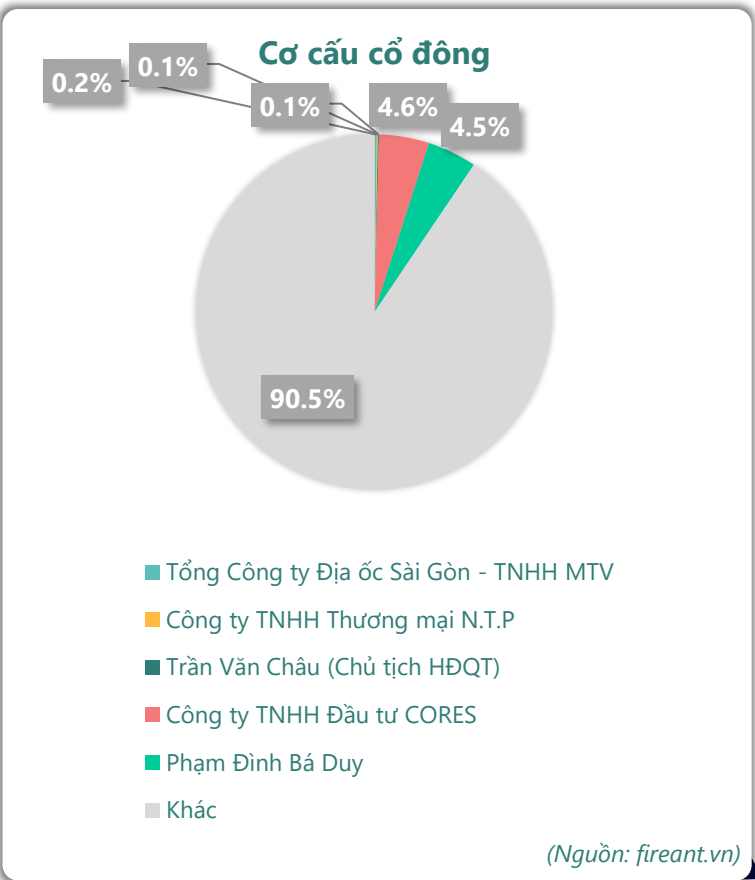
ROE 2025
2.7%
YoY: +/- ▲ 2.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,630 - 14,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	175
Số lượng CPLH (CP)	14,135,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,755
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.06
EPS	563
P/E	22.0

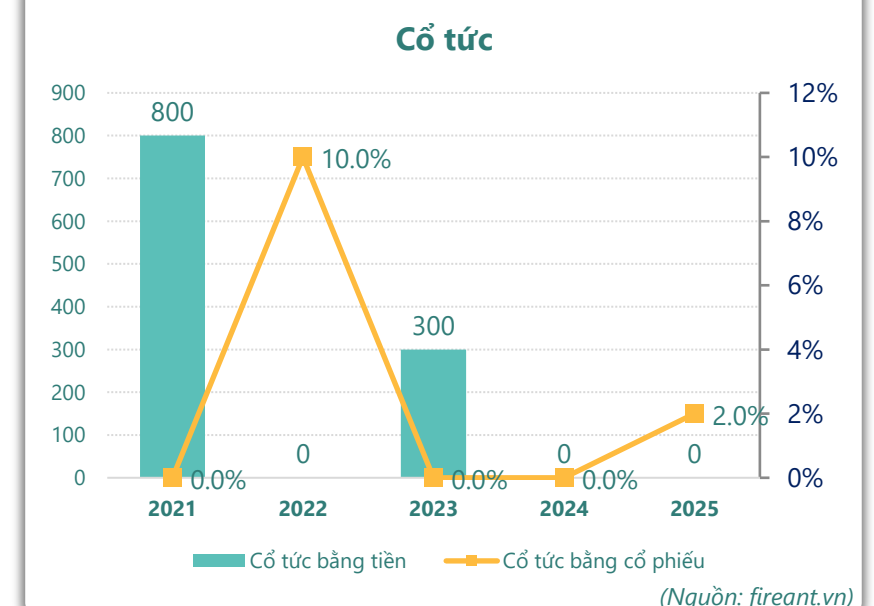
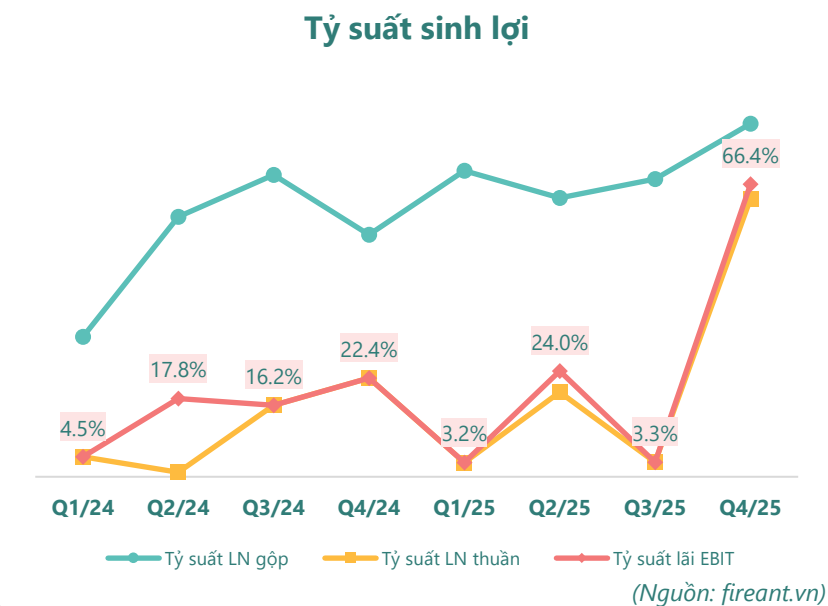
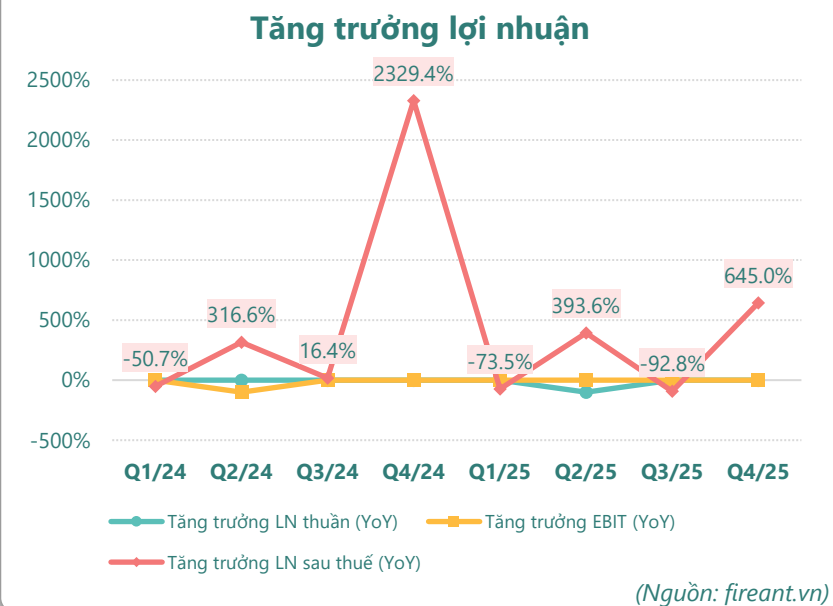
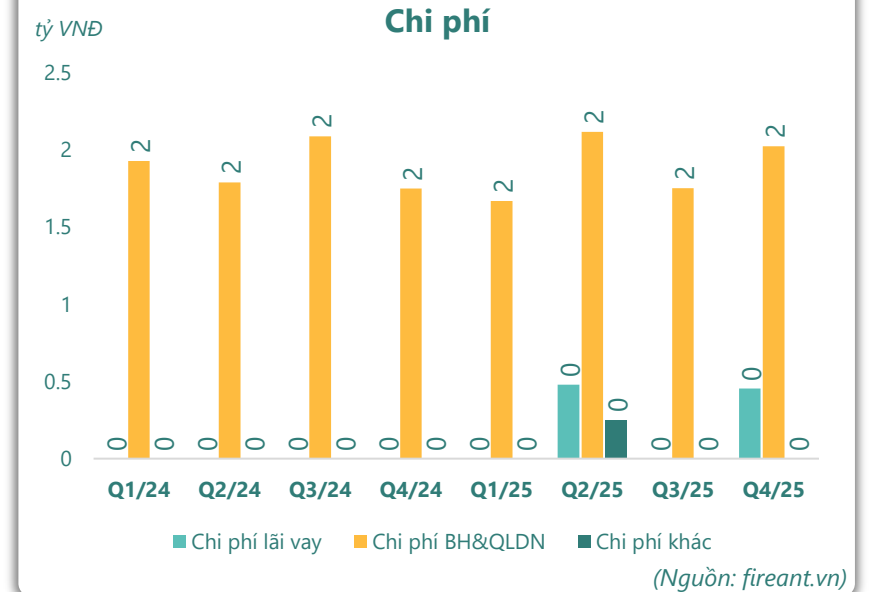
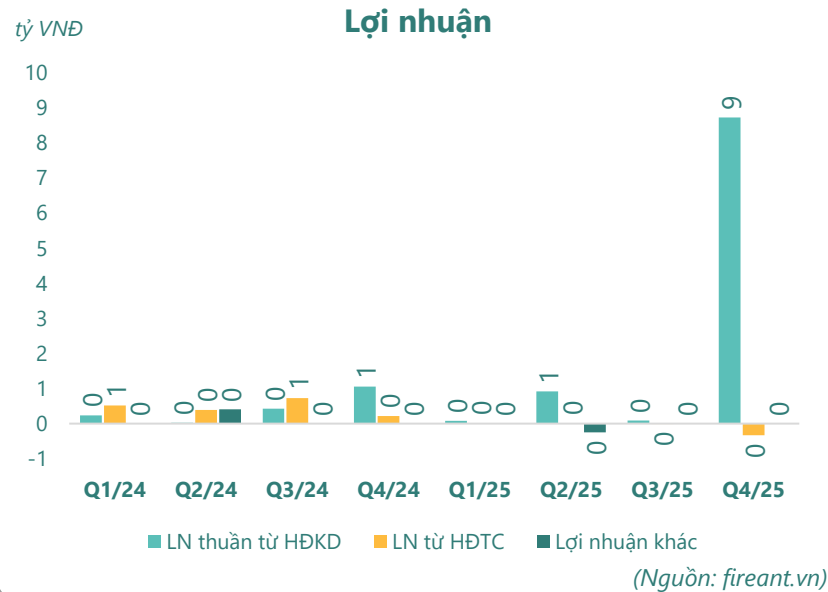
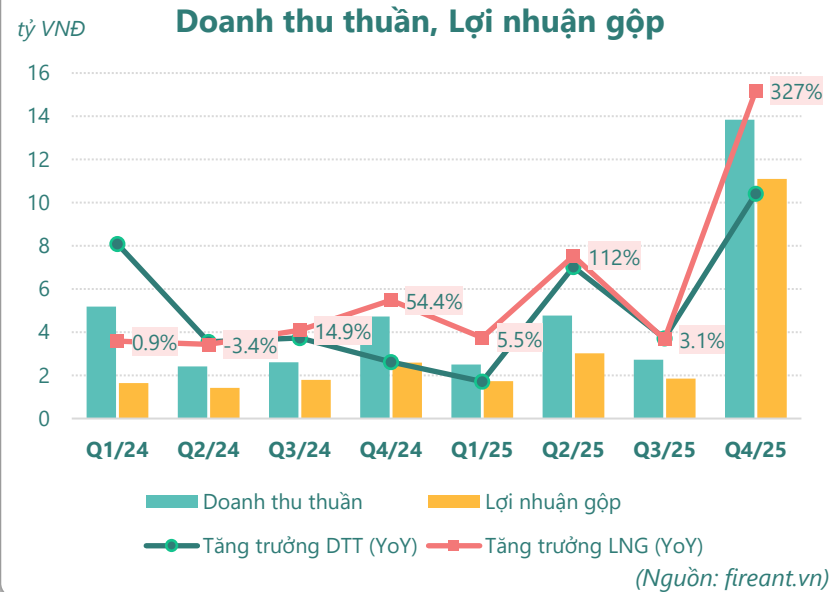
DT thuần 2025
23.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00 59.6%

LN thuần 2025
9.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.36 572%

LN sau thuế 2025
7.96
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.45 428%



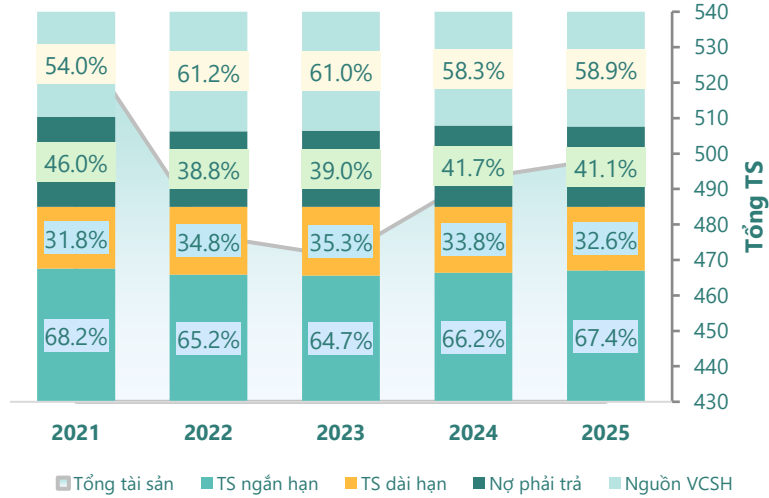
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

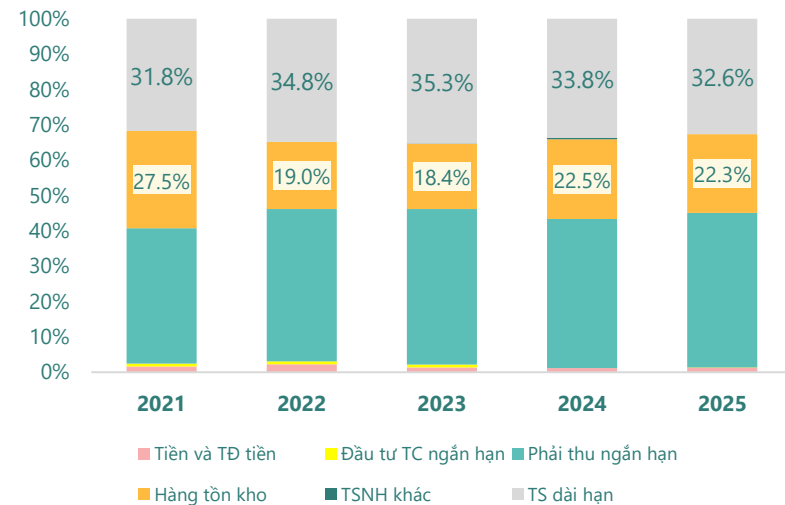
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

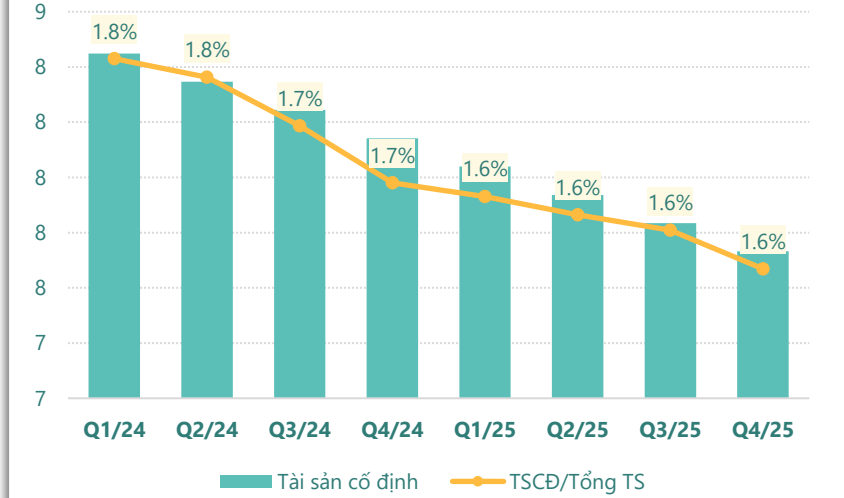
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

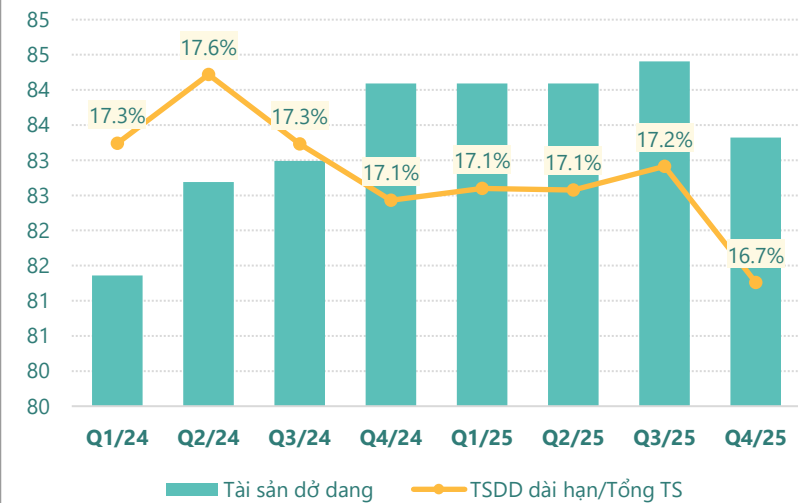
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

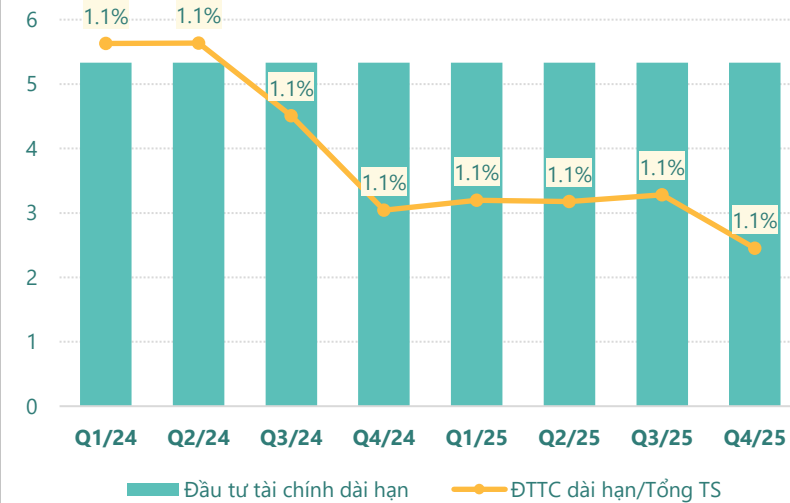
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

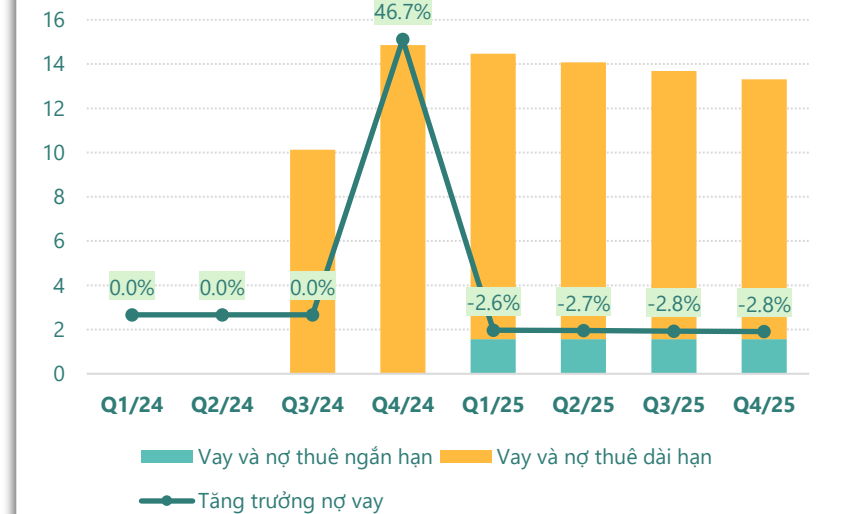
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

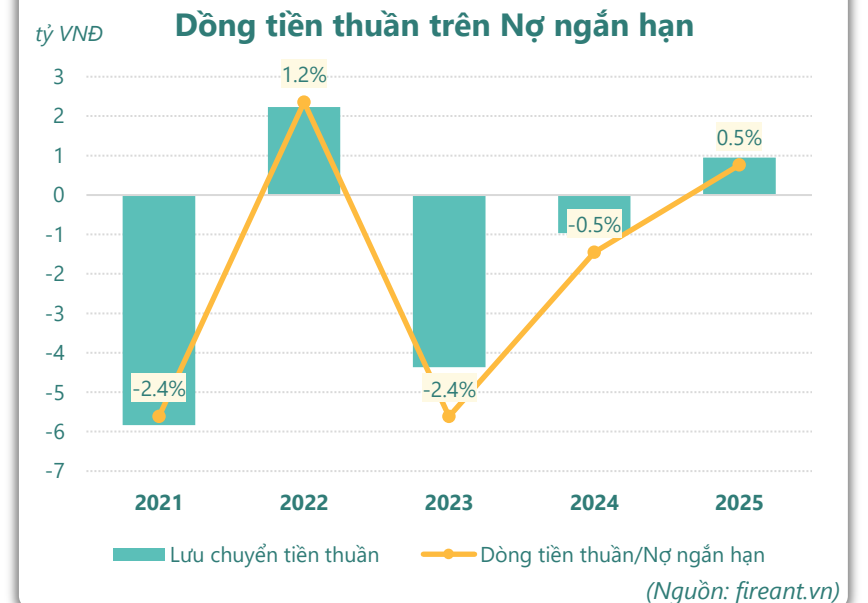
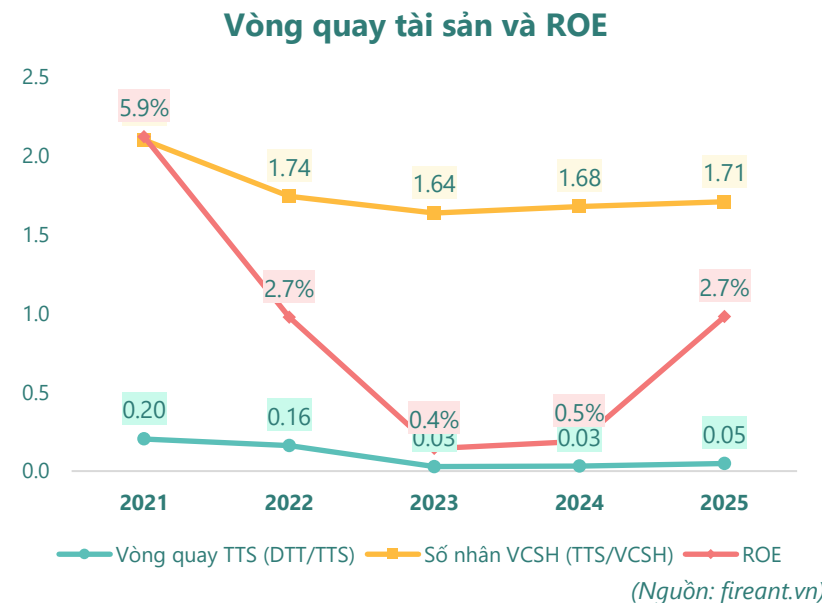
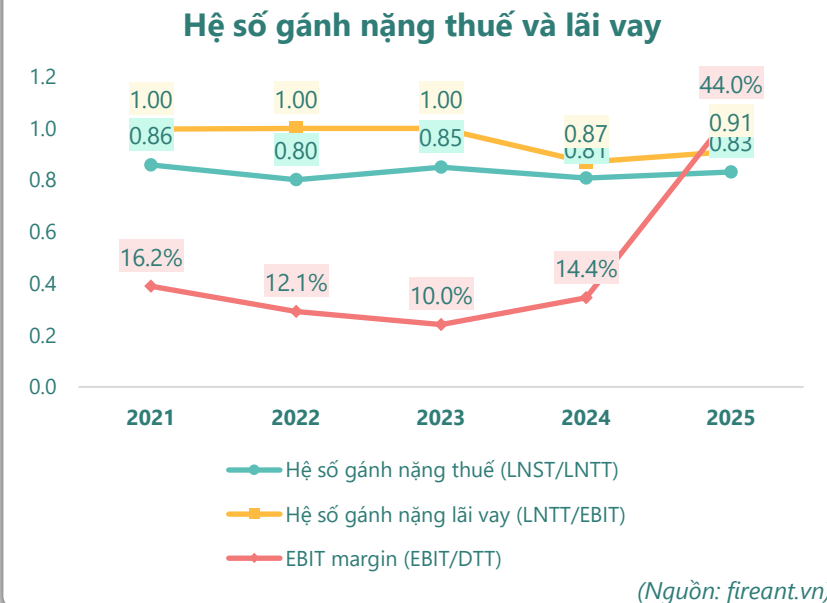
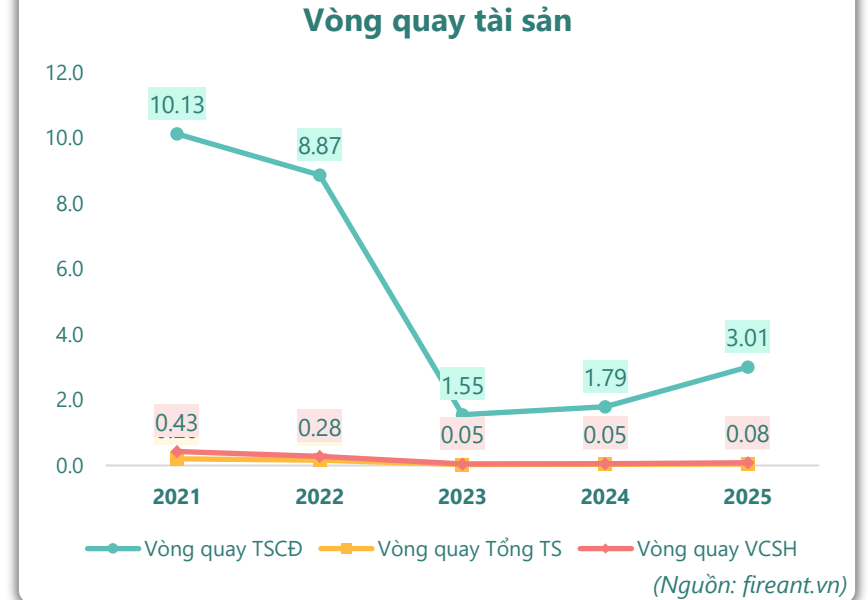
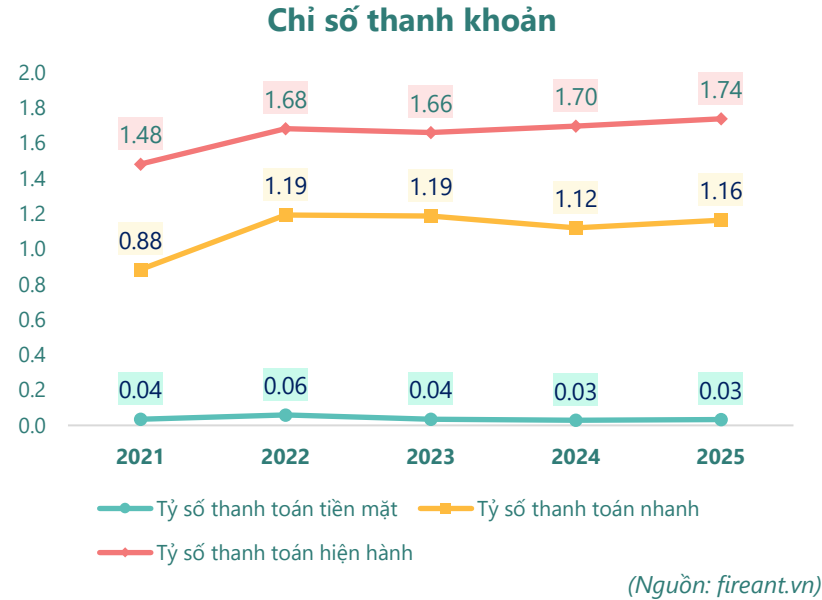
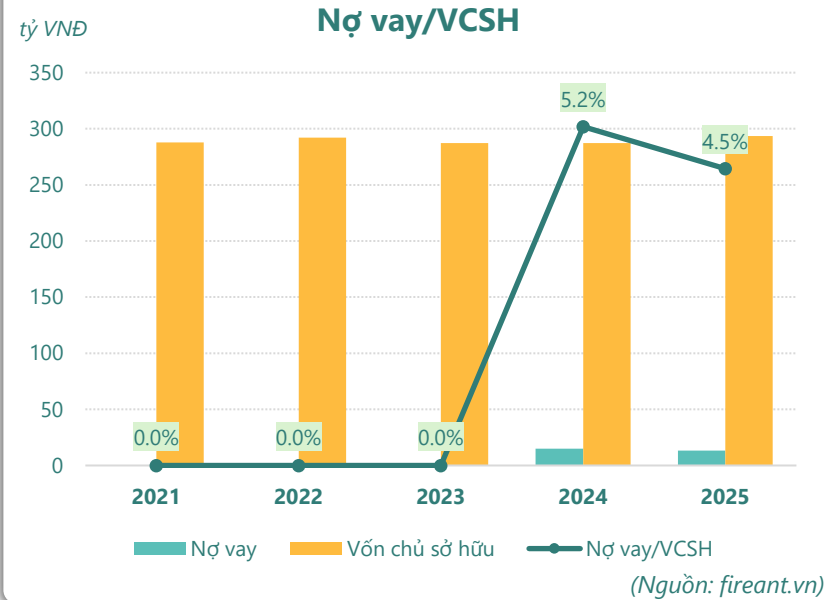
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	13.8	4.73	193%	23.9	14.9	59.6%
Giá vốn hàng bán	2.75	2.13	29.3%	6.16	7.49	-17.8%
Lợi nhuận gộp	11.1	2.60	327%	17.7	7.46	137%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.14	-4.2%	0.66	1.66	-60.5%
Chi phí TC	0.47	-0.07	768%	0.96	0.10	858%
Chi phí lãi vay	0.46	0.00		0.93	0.28	234%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.02	1.75	15.7%	7.57	7.56	0.1%
LN thuần từ HĐKD	8.73	1.06	724%	9.82	1.46	572%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.25	0.41	-162%
LN trước thuế	8.73	1.06	724%	9.57	1.87	413%
Lợi nhuận sau thuế	7.26	0.86	744%	7.96	1.51	428%
LNST của CĐ cty mẹ	7.26	0.86	744%	7.96	1.51	428%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.5	-6.34	-0.62	0.01	1.17	1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.47	0.14	0.01	0.01	0.50	0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.1	4.73	-0.39	-0.39	-0.39	-0.39
Tiền đầu kỳ	6.96	7.06	5.59	4.59	4.22	5.50
Lưu chuyển tiền thuần	0.10	-1.47	-1.00	-0.36	1.27	1.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.06	5.59	4.59	4.22	5.50	6.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	499	493	1.2%
Tài sản ngắn hạn	336	326	2.9%
Tiền và tương đương tiền	6.54	5.59	17.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0	
Phải thu ngắn hạn	218	208	4.9%
Hàng tồn kho	111	111	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	1.82	-100%
Tài sản dài hạn	163	166	-2.3%
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	0.0%
Tài sản cố định	7.73	8.14	-5.0%
Bất động sản đầu tư	39.0	41.7	-6.4%
Tài sản dở dang	83.3	84.1	-0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	205	206	-0.3%
Nợ ngắn hạn	193	192	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.56	1.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	10.1	-0.7%
Nợ dài hạn	11.7	13.3	-11.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.7	13.3	-11.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	294	287	2.2%
Vốn chủ sở hữu	294	287	2.2%
Vốn điều lệ	141	139	2.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

